

Số: /KH-UBND

Phong Thổ, ngày tháng 11 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phong Thổ giai đoạn 2022 - 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 202-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phong Thổ lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 203-KH/HU ngày 02/8/2022 của Huyện ủy Phong Thổ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ xây dựng kế hoạch Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phong Thổ giai đoạn 2022 - 2025 gồm một số nội dung sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 vào điều kiện của địa phương, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia thực hiện Chương trình. Từ đó tạo cơ hội cho người nghèo, hộ nghèo có điều kiện vươn lên phát triển sản xuất, tăng thu nhập và thoát nghèo; tăng cường đầu tư, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh liên xã; giảm khoảng cách về thu nhập và mức sống giữa các vùng và các nhóm dân cư. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, kinh tế hộ gia đình...

Thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào nhân dân các dân tộc trong huyện.

## **2. Yêu cầu**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững phải được các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện thường xuyên, đồng bộ từ huyện đến cơ sở. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án được giao, gắn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị; lồng ghép các nguồn lực, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, thực hiện hiệu quả Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2022 - 2025.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ THỰC TRẠNG NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Kết quả thực hiện 2016-2020**

Sau 5 năm triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn, bộ mặt kinh tế của huyện đã có bước phát triển toàn diện trên tất cả các ngành, lĩnh vực, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

- Tổng giá trị sản xuất đạt 3.644 tỷ đồng, Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm, thủy sản 23,1%, Công nghiệp, xây dựng 39,9%, Dịch vụ: 37%. Thu nhập bình quân đầu người 28 triệu đồng/năm.

- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; huy động học sinh trong độ tuổi các cấp ra lớp: Mầm non 98,1%, tiểu học 99,9%, trung học cơ sở 95%, trung học phổ thông 30%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 29,17%.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 35.700 tấn, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc giảm 0,15%, tỷ lệ che phủ rừng 43,71%. Thu ngân sách huyện trên địa bàn ước là 73.086 triệu đồng. 92,4% số bản có đường ô tô đi đến bản, 98,43% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới Quốc gia, 100% dân cư đô thị được dùng nước sạch, đạt kế hoạch; 88% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Có 76,5% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, mức giảm tỷ lệ sinh bình quân 1,03%/năm, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 1,32%/năm. Có 25% số xã đạt chuẩn về xây dựng nông thôn mới (4 xã).

- Thực hiện tổng điều tra rà soát hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều mới của Quốc gia được quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Thời điểm đầu giai đoạn (năm 2016) toàn huyện có 6.459 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 42,97%; 2.308 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 15,35%. Kết quả rà soát cuối giai đoạn (năm 2020) số hộ nghèo còn 3.833 hộ, chiếm tỷ lệ 22,43%; 3.616 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 21,16%. Qua 5 năm thực hiện mục tiêu giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 20,54%, tỷ lệ hộ cận nghèo tăng 5,81%; bình quân mỗi năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 4,1% đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Thành tựu giảm nghèo trong những năm qua đã góp phần tăng trưởng

kinh tế bền vững và thực hiện công bằng xã hội được cộng đồng, nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Tuy nhiên, công tác giảm nghèo vẫn còn một số hạn chế, kết quả giảm nghèo đạt chỉ tiêu kế hoạch nhưng chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo tăng so với đầu kỳ, do hộ nghèo thoát nghèo lại rơi cận nghèo. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là ngân sách trung ương và từ nguồn lồng ghép và một phần từ nguồn huy động khác; ngân sách huyện còn khó khăn hạn chế, do vậy chưa tạo ra sự đột phá và chủ động trong thực hiện chương trình. Nhận thức một bộ phận người dân còn hạn chế, chưa chủ động tăng gia, lao động, sản xuất vươn lên thoát nghèo, trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ nhà nước.

## **2. Thực trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Qua điều tra, rà soát đánh giá xác định tiêu chí thực tế tại hộ gia đình trên địa bàn huyện. Kết quả được UBND các xã, thị trấn minh bạch công khai, niêm yết và xin ý kiến nhân dân.

- Tổng số hộ dân trên toàn huyện tại thời điểm rà soát là: 17.268 hộ, trong đó: Hộ nghèo: 8.362 hộ chiếm 48,42%; Hộ cận nghèo: 2.920 hộ chiếm 16,91%, cụ thể:

+ Hộ nghèo khu vực thành thị 163 hộ, chiếm 1,9% trên tổng số hộ nghèo huyện; hộ nghèo khu vực nông thôn 8.199 hộ chiếm 98,1% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ cận nghèo khu vực thành thị 132 hộ chiếm 4,5% trên tổng số hộ cận nghèo toàn huyện; hộ cận nghèo khu vực nông thôn 2.788 hộ chiếm 95,5% tổng số hộ cận nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng toàn huyện 07 hộ chiếm 0,08% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo không có khả năng lao động toàn huyện 191 hộ chiếm 2,28% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

- Về chỉ số thiếu hụt các tiêu chí

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 1: Việc làm: 1.301 hộ chiếm tỷ lệ 15,57% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 2: Người phụ thuộc trong gia đình: 2.225 hộ chiếm tỷ lệ 26,62% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 3: Dinh dưỡng: 454 hộ chiếm tỷ lệ 6,45% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 4: Bảo hiểm y tế: 7.752 hộ chiếm tỷ lệ 92,75% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 5: Trình độ giáo dục người lớn: 4.615 hộ chiếm tỷ lệ 55,22% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 6: Tình trạng đi học của trẻ em: 262 hộ chiếm tỷ lệ 3,94% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 7: Chất lượng nhà ở: 2.560 hộ chiếm tỷ lệ 30,63% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 1.776 hộ chiếm tỷ lệ 21,24% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 9: Nguồn nước sinh hoạt: 446 hộ chiếm tỷ lệ 5,34% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 10: Nhà tiêu hợp vệ sinh: 7.133 hộ chiếm tỷ lệ 85,34% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 11: Sử dụng dịch vụ viễn thông: 851 hộ chiếm tỷ lệ 10,18% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

+ Hộ nghèo thiếu hụt chỉ số 12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 567 hộ chiếm tỷ lệ 6,78% tổng số hộ nghèo toàn huyện.

### **3. Nguyên nhân nghèo**

#### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

Do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên chung của huyện không thuận lợi, địa hình chia cắt các xã, giao thông chưa thuận lợi kết nối giữa vùng sâu, vùng xa, đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều hộ nghèo, cận nghèo còn thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, thiếu phương tiện sản xuất; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo còn hạn chế; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chưa đồng bộ, còn mang tính ngắn hạn, thiếu sự gắn kết chặt chẽ, chưa có giải pháp tập trung và ưu tiên nguồn lực vào giải quyết các vấn đề sinh kế ổn định cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn huyện; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; số doanh nghiệp trên địa bàn ít, doanh thu nhỏ, chưa thu hút được nhiều lao động vào làm việc để chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương và tiêu thụ sản phẩm do người dân sản xuất ra để nâng cao thu nhập; một số hộ nghèo do trong gia đình có người ốm đau thường xuyên, tàn tật, già cả, có người mắc tệ nạn xã hội. Ngoài ra diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp; tác động suy thoái kinh tế, biến động giá cả; ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 làm giảm cơ hội tìm kiếm việc làm, nguy cơ dẫn đến hộ nghèo tăng.

#### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa được liên tục, những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chưa được cấp quản lý cơ sở giải quyết kịp thời.

Nguồn vốn còn thiếu so với nhu cầu thực tế. Cơ sở hạ tầng của huyện chậm phát triển; trình độ dân trí không đồng đều; tỷ lệ hộ đói nghèo cao; chưa có khu công nghiệp, công ty lớn để tăng cầu lao động trên địa bàn...

Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có ý thức nỗ lực, cố gắng vươn lên, trình độ sản xuất, thâm canh còn hạn chế, chưa chủ động tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả giống cây trồng, vật nuôi, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ; mặc dù thiếu vốn sản xuất nhưng chưa mạnh dạn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi ngành nghề. Một số hộ nghèo còn lười lao động, trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự giúp đỡ của cộng đồng.

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, quyết liệt, việc quy hoạch đất sản xuất và các loại cây trồng, vật nuôi chưa thật sự phù hợp, thích ứng với thị trường tiêu thụ; công tác quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành, phân công phân cấp chưa phù hợp.

### **III. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên phạm vi toàn huyện, giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các xã, thôn/bản nghèo nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của huyện, mục tiêu đến năm 2025 huyện thoát khỏi huyện nghèo.

#### **2. Mục tiêu, kết quả chủ yếu năm 2025**

- Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến hết năm 2025 còn dưới 40% và thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

- 100% xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi, cầu, hạ tầng điện.

- Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sinh trên địa bàn huyện.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động. Hỗ trợ khoảng 250 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 1.000 lao động.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi và từ 6-16 tuổi xuống dưới 28% và dưới 20%.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%.

- Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 55% trở lên (trong đó: tỷ lệ người lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 25%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề đạt trên 50%); 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở; cơ bản xóa nhà tạm, nhà đơn sơ, thiếu kiên cố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

#### **IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

##### **1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

a) Mục tiêu:

Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn; hỗ trợ địa bàn vùng khó khăn phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Nội dung thực hiện:

+ Công trình y tế cấp xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định

+ Công trình, cơ sở vật chất trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; phòng học kiên cố cho nhà trẻ, lớp mẫu giáo.

+ Công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân (nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe mó được bảo vệ).

+ Công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, sản xuất.

+ Công trình giao thông đường trục chính, nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện; cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa.

+ Công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho người dân của xã.

+ Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

+ Công trình ở cấp xã và thôn, bản phải đảm bảo tính kết nối giữa các thôn, giữa các thôn với trung tâm xã để hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế người dân.

- Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

c) Vốn và nguồn vốn: 343.879 triệu đồng (trong đó: vốn đầu tư 314.072 triệu đồng; vốn sự nghiệp 29.807 triệu đồng), cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương: 337.879 triệu đồng (vốn đầu tư 308.072 triệu đồng; vốn sự nghiệp 29.807 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 6.000 triệu đồng.

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

- Người dân sinh sống trên địa bàn huyện. Ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Vốn và nguồn vốn: 41.325 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 40.081 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.244 triệu đồng.

### **3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

#### ***3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp***

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

Người dân sinh sống trên địa bàn huyện; Ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định.



- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.
- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Vốn và nguồn vốn: 18.410 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 17.854 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- + Ngân sách địa phương: 556 triệu đồng.

### **3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

a) Mục tiêu:

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng:

Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo. Hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 4.179 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

## **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

### **4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

a) Mục tiêu:

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng:

Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hỗ trợ:

Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm. Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã. Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 6.691 triệu đồng (vốn đầu tư).

**4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

a) Mục tiêu:

Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng:

Người lao động trên địa bàn huyện có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài; ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 3.157 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

**4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

a) Mục tiêu:

Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

b) Đối tượng:

Người lao động trên địa bàn huyện. Ưu tiên lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, xây dựng các cơ sở dữ liệu giao dịch việc làm trực tuyến “việc tìm người - người tìm việc”.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công. Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương 2.319 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

### **5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo**

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm.

Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án chính sách khác.

c) Nội dung hỗ trợ:

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” gồm nền cứng, khung-tường cứng và mái cứng, có tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Vốn và nguồn vốn: 94.000 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 47.440 triệu đồng (vốn sự nghiệp)
- Ngân sách địa phương: 11.280 triệu đồng
- Nguồn huy động khác: 35.280 triệu đồng.

### **6. Tiểu dự án 2-Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Mục tiêu:

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo, gương sáng trong phong trào thi đua giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người dân trên địa bàn toàn huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay, gương sáng trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo- Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

- Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở.

- Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.111 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

## **7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Kế hoạch thực hiện Chương trình**

### **7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Kế hoạch**

a) Mục tiêu:

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng:

Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, chi hội đoàn thể, công tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Kế hoạch, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

d) Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 3.675 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

## **7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá**

a) Mục tiêu:

Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng:

Cơ quan chủ trì và các cơ quan, phòng, ban, ngành liên quan được giao thực hiện các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện giảm nghèo trên địa bàn.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo các xã, thị trấn.

Vốn và nguồn vốn: Ngân sách Trung ương: 1.394 triệu đồng (Vốn sự nghiệp)

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1.** Nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, bao gồm vốn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương.

**2.** Thực hiện lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp khác: Các chương trình mục tiêu quốc gia, tín dụng, huy động từ tổ chức, cá nhân và đóng góp trong nhân dân.

## **VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để thực hiện kế hoạch giảm nghèo, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo và thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo đến năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện đề ra các giải pháp sau:

**1.** Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức thực hiện các cơ quan, phòng, ban, ngành chuyên môn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và trong nhân dân về thực hiện Chương trình giảm nghèo; khơi dậy ý

chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên. Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên cho các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin; phát triển hạ tầng.

2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo huyện, xã; nhất là cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ. Gắn kết thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phân cấp cho cơ sở, cơ sở chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý hoạt động chương trình.

3. Thực hiện đa dạng hóa, lồng ghép các nguồn vốn khác triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và sự tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, kịp thời khắc phục những hạn chế, phát huy những điểm mạnh, lợi thế để Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn đảm bảo chất lượng, hiệu quả tốt nhất.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện - Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.**

Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, ban, ngành liên quan xác định đối tượng hỗ trợ; tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo trong toàn huyện; trực tiếp thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ các đối tượng trợ giúp xã hội; chủ trì phối hợp cùng các ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững; thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá. Hướng dẫn và đôn đốc các ngành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ các chính sách thuộc lĩnh vực ngành quản lý, tổng hợp báo cáo UBND huyện.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện**

Tham mưu phân bổ nguồn lực giảm nghèo; kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện cơ chế quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia của các xã, thị trấn gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, hướng dẫn và giám sát chi tiêu tài chính.

### **3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện**

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng thu nhập đối với hộ nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ mô hình chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, mô hình sản xuất chuyên canh tập trung theo chuỗi giá trị hàng hóa cho hộ nghèo. Nhân rộng mô hình đầu tư sản xuất; thực hiện quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn các xã theo tiêu chí nông thôn mới; hướng dẫn chỉ đạo ưu tiên nguồn lực từ chương trình xây dựng nông thôn mới.

#### **4. Trung tâm Y tế huyện**

Tham mưu và trực tiếp chỉ đạo chính sách hỗ trợ người nghèo trong khám chữa bệnh; tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

#### **5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

Chủ trì, phối hợp cùng các ngành liên quan tổ chức, thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên con hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc ít người trên địa bàn huyện trong giáo dục, đào tạo.

#### **6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện**

Chủ trì hướng dẫn chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

#### **7. Phòng Văn hóa và Thông tin; Trung tâm Văn hóa-Thể thao-Truyền thông**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ: Chủ trì phối hợp cùng các ngành liên quan triển khai dự án giảm nghèo về thông tin, hỗ trợ hộ nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin và truyền thông.

#### **8. Ngân hàng Chính sách xã hội**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách được tiếp cận, vay vốn ưu đãi theo quy định.

#### **9. Ban Quản lý dự án huyện**

Rà soát, đề xuất, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

#### **10. Các cơ quan, ban, ngành khác của huyện**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tham gia tổ chức thực hiện các chính sách, dự án chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

#### **11. UBND các xã, thị trấn**

Xây dựng mục tiêu, kế hoạch và biện pháp giảm nghèo trên địa bàn, trên cơ sở nghị quyết, kế hoạch giảm nghèo của huyện. Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo đảm bảo công khai, minh bạch; qua đó xây dựng chỉ tiêu kế hoạch hộ thoát nghèo cụ thể trong năm.

**12.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị, xã hội từ huyện đến cơ sở tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Phong Thổ giai đoạn 2022 - 2025. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, phòng, ban, ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh (B/c);
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PLĐT BXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Thị Hồng Sim**